

PHỤ LỤC
BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYÊN ĐỔI SỐ
CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG VÀ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

(Kèm theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
I	Chuyên đổi số trong dạy, học:	100		52	
1.1.	Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hằng năm).				Kế hoạch
1.2.	Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến				Điều kiện bắt buộc
1.3.	Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến: - Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp (ghi tên)	30	<i>Tối đa 6 điểm</i>	Mức độ 1: dưới 10 điểm Mức độ 2: từ 10 -	Đường link http://truong.hungyen.edu.vn/C1/HoSoTruong

	<p>- Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS) (cung cấp thông tin: Tên giải pháp, tự xây dựng/thuê/mua).</p> <p>- Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng:</p> <p>(1) Giáo viên giao bài cho học sinh tự học;</p> <p>(2) Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học</p>		<p>Tối đa 24 điểm, mỗi chức năng triển khai tối đa 6 điểm.</p>	<p>20 điểm</p> <p>Mức độ 3: trên 20 điểm</p> <p>20</p>	<p>Detail.aspx</p>
<p>1.4.</p>	<p>Số lượng học liệu được số hóa (đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt).</p>	<p>10</p>	<p>- Ít hơn 20 học liệu: tối đa 3 điểm.</p> <p>- Ít hơn 40 học liệu: tối đa 6 điểm.</p>	<p>Mức độ 1: dưới 4 điểm</p> <p>Mức độ 2: từ 4 - 6 điểm</p> <p>Mức độ 3: trên 7</p>	<p>Đường link và số lượng học liệu:</p> <p>https://drive.google.com/drive/folders/1NfVLk-</p>

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ 6	Ghi chú, minh chứng
1.5.	Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính: có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN (cung cấp thông tin: tên giải pháp phần mềm)	20	<i>Tối đa 15 điểm</i>	Mức độ 1: dưới 8 điểm	Quy chế /Kế hoạch /văn bản triển khai
	Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường		<i>Tối đa 5 điểm</i>	Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	
1.6.	Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số: - Tỷ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu	20	<i><30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; >60%: tối đa 7 điểm</i>	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm	
	- Tỷ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học		<i><30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; >60%: tối đa 7 điểm</i>	Mức độ 3: trên 14 điểm	

	- Tỷ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử		<30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm;	
1.7.	Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học: - Tỷ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học	20	<20%>: tối đa 2 điểm; 20%-60%: tối đa 5 điểm; >60%: tối đa 8 điểm	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8-14 điểm
	- Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học ¹		Mức độ 1: tối đa 2 điểm; Mức độ 2: tối đa 5 điểm; Mức độ 3: tối đa 7 điểm	Mức độ 3: trên 14 điểm 14

¹ **Mức độ 1** (chưa đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học): Với Tiểu học có nhiều hơn 3 học sinh phải học chung 1 máy tính; THCS có nhiều hơn 2 học sinh phải học chung 1 máy tính; THPT có nhiều hơn 1 học sinh phải học chung 1 máy tính. **Mức độ 2** (đáp ứng cơ bản yêu cầu dạy môn tin học): Với Tiểu học có 2-3 học sinh phải học chung 1 máy tính; THCS có 2 học sinh phải học chung 1 máy tính; THPT mỗi học sinh được học 1 máy tính. **Mức độ 3** (đáp ứng tốt yêu cầu dạy môn tin học): Với Tiểu học đáp ứng mỗi học sinh học trên 1 máy tính; THCS đáp ứng mỗi học sinh học trên 1 máy tính; THPT đáp ứng mỗi học sinh học trên 1 máy tính.

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
	- Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài gang điện tử)		<i>Tối đa 5 điểm</i>		
2.	Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục	100			
	Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (thông tin: Họ tên, chức vụ, email, điện thoại)			66	- Phụ trách: Quản Thu Thủy - Phó HT -Email: tongocminhchau09@gmail.com - Sdt: 0974051083
	2.2. Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số				Kế hoạch
	2.3. Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường (cung cấp thông tin: tên giải pháp, tự xây dựng/mua/thuê): - Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường	70	<i>Tối đa 6 điểm</i>	Mức độ 1: dưới 20 điểm Mức độ 2: từ 20-50	Đường link/ Quy chế/ văn bản hướng dẫn: http://truong.hung

- Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập)	<i>Tối đa 6 điểm</i>	điểm	yen.edu.vn/C1/DS
- Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử	<i>File PDF: tối đa 3 điểm; Ap dụng chứng thư số:</i>	Mức độ 3: trên 50 điểm	GiaoVien.aspx
- Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV	<i>Tối đa 6 điểm</i>		
- Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất	<i>Tối đa 10 điểm</i>	50	
- Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học quản lý thông tin về sức khỏe học sinh	<i>Tối đa 10 điểm</i>		
- Có triển khai phân hệ quản lý kế toán	<i>Tối đa 6 điểm</i>		
- Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với	<i>Tối đa 6 điểm</i>		

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
	ngành (do Bộ quản lý)				
2.4.	Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến: - Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng web) - Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến: - Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt	30	Tối đa 8 điểm Tối đa 12 điểm Tối đa 10 điểm	Mức độ 1: dưới 10 điểm Mức độ 2: từ 10-18 điểm Mức độ 3: trên 18 điểm 16	Đường link/ Quy chế/ Văn bản: Nghị quyết Hội đồng; Zalo, tài khoản nhận tiền

TM. NHÀ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Tuyết